TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ - ST
Ngày 29/05/2018
V/v " Xin ly hôn, chia tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN – TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Tú Anh

+ Ông Đinh Công Đoàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Định – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long***: tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 05 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 176/2017/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017. Về việc: "Xin ly hôn, chia tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn L, sinh năm 1964 (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1966 (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 02, ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1932. Địa chỉ: tổ 02, ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long (xin vắng).

2. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Văn T, sinh năm 1929 (chết năm 2009) gồm có:

2.1. Bà Phạm Thị T4, sinh năm 1932 (xin vắng)

2.2 Bà Hồ Thị B, sinh năm 1954 (xin vắng)

2.3 Bà Hồ Thị B, sinh năm 1957 (xin vắng)

2.4 Bà Hồ Thị P1, sinh năm 1966 (xin vắng)

2.5 Ông Hồ Văn T1, sinh năm 1970 (xin vắng)

2.6 Ông Hồ Văn T2, sinh năm 1973 (xin vắng)

2.7 Ông Hồ Văn T3 sinh năm 1961

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn T3, theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017 là bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1960 (xin vắng)

Cùng địa chỉ: tổ 02, ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long.

3. Anh Hồ Thanh P, sinh năm 1985 (xin vắng).

4. Chị Trần Thị Q, sinh năm 1983 (xin vắng).

Hộ khẩu: tổ 02, ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long.

Nơi cư trú: ấp H, xã B, huyện BT, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/10/2017 nguyên đơn Hồ Văn L và trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:

Vào năm 1982 ông và bà Lê Thị C tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Bình Minh (nay là huyện Bình Tân) vào năm 1995. Nữ trang cưới gồm một đôi bông 01 chỉ vàng 24k, một sợi dây chuyền 01 chỉ vàng 18k, số vàng này vợ chồng thỏa thuận bán để chi tiêu trong gia đình hết.

Sau khi cưới về sống bên ông tại ấp ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 30 năm, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, gây gỗ nhau, nhất là về vấn đề tiền bạc, kinh tế gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vào năm 2016 ông đã từng nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Bình Tân để xin được ly hôn với bà C nhưng do liên quan đến vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên ông xin rút đơn khởi kiện đợi con ông trưởng thành. Ông và bà C có 04 con chung là P, L1 và L2 đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn Q1 đã trưởng thành và đang ở với bà Lê Thị C.

Trong thời gian chung sống ông và bà C có tạo được tài sản chung là một căn nhà xây dựng nhờ trên phần đất của cha ông là ông Hồ Văn T (chết năm 2009) đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa số 463, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.560 m^2, loại đất thổ quả, tọa lạc ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long, nhà hiện do bà C quản lý và sử dụng. Phần đất này đã chuyển thừa kế sang cho mẹ ông là bà Phạm Thị T4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 943175 thửa số 64 diện 1500,3 m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân cấp giấy ngày 22/02/2012.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng với bà C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông được ly hôn bà Lê Thị C

Về con chung là Hồ Thanh P, Hồ Phước L1, Hồ Phước L2 và Hồ Nhật Q1 đều đã trưởng thành, ông không yêu cầu tòa án giải quyết .

Về tài sản chung: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quyền quản lý và sử dụng 01 căn nhà cấp 4, xây dựng nhờ trên đất do bà Phạm Thị T4 đứng tên giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 943175 thửa số 64 diện 1500,3 m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân cấp giấy ngày 22/02/2012. Ông thống nhất với biên bản định giá tài sản là toàn bộ nhà và vật kiến trúc là tài sản chung của vợ chồng có giá trị còn lại là 79.805.000 đồng. Ông đồng ý nhận toàn bộ căn nhà và vật kiến trúc theo biên bản định giá tài sản và sẽ hoàn cho bà Lê Thị C một nửa giá trị căn nhà bằng 39.902.500 đồng; Về tài sản trong nhà gồm có 01 bộ bàn ghế tiếp khách bằng cây, 01 bàn bằng cây, 01 tủ áo bằng cây, 01 tủ ly bằng cây, 01 tủ chén bằng nhôm, 02 cái gường hộp (01 cái loại lớn, 01 cái loại nhỏ) thì ông đồng ý nhận toàn bộ tài sản này và đồng ý đưa cho bà C số tiền là 10.000.000 đồng. Ngoài ra ông không yêu cầu chia tài sản nào khác. Vì những tài sản chung khác của vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Lê Thị C trình bày:

Bà thống nhất với những lời trình bày của ông Hồ Văn L về quan hệ hôn nhân, về vàng cưới, về con chung.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn cự cãi giữa bà và ông L, cũng như giữa ông L và các con, nhưng sau đó bà đều dạy các con phải nghe lời dạy của ông L nên mâu thuẫn cũng không có gì trầm trọng.

Nay bà vẫn còn tình cảm với ông L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà thống nhất với biên bản định giá tài sản là toàn bộ nhà và vật kiến trúc là tài sản chung của vợ chồng có giá trị còn lại là 79.805.000 đồng. Bà đồng ý để ông L nhận toàn bộ căn nhà và vật kiến trúc theo biên bản định giá tài sản và sẽ nhận một nữa giá trị căn nhà bằng 39.902.500 đồng; Về tài sản trong nhà gồm có 01 bộ bàn ghế tiếp khách bằng cây, 01 bàn bằng cây, 01 tủ áo bằng cây, 01 tủ ly bằng cây, 01 tủ chén bằng nhôm, 02 cái gường hộp (01 cái loại lớn, 01 cái loại nhỏ) thì bà đồng ý để ông L nhận toàn bộ tài sản này và bà đồng ý nhận số tiền là 10.000.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu chia tài sản nào khác. Vì những tài sản chung khác của vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Ông L vẫn giữ yêu cầu ly hôn bà C và chia tài sản như trên.

- Bà C trình bày không muốn ly hôn nhưng do ông L muốn ly hôn nên bà đồng ý ly hôn ông L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 9, 51,56, 59 Luật hôn nhân và gia đình:

+ Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn L được ly hôn bà Lê Thị C.

+ Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông L và bà C về việc chia tài sản chung như sau:

Ông L được quản lý, sử dụng căn nhà trị gía 79.805.000 đồng được cất trên đất của bà Phạm Thị T4 thuộc thửa 463, diện tích 1.560m^2 và một số tài sản trong nhà gồm 01 bộ bàn ghế tiếp khách bằng cây, 01 bàn bằng cây, 01 tủ áo bằng cây, 01 tủ ly bằng cây, 01 tủ chén bằng nhôm, 02 cái gường hộp trị giá 20.000.000 đồng.

Ông L phải có trách nhiệm hoàn lại cho bà Chi tổng cộng 49.902.500 đồng.

+ Về án phí: Buộc ông L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 1.247.500 đồng án phí chia tài sản và 1.100.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; bà C phải nộp 1.247.500 đồng án phí về tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc vụ án thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Bà Phạm Thị T4, bà Hồ Thị B, bà Hồ Thị B1, bà Hồ Thị P1, ông Hồ Văn T1, ông Hồ Văn T2, bà Nguyễn Thị B2, anh Hồ Thanh P và chị Trần Thị Q có ý kiến xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[3] Ông Hồ Văn L và bà Lê Thị C có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa ông L và bà C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Ông L yêu cầu ly hôn bà C với lý do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi, gây gỗ nhau, nhất là về vấn đề tiền bạc, kinh tế gia đình. Tại phiên tòa bà C cũng đồng ý ly hôn ông L. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Văn L với bà Lê Thị C.

[4] Ông L và bà C có có 04 con chung là Hồ Thanh P, Hồ Phước L1, Hồ Phước L2 và Hồ Nhật Q1 đều đã thành niên và không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản ông L và bà C tranh chấp trong vụ án thì ông L và bà C đã thỏa thuận được với nhau như sau:

- Trên phần đất bà Phạm Thị T4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 943175 thửa số 64 diện 1500,3 m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long có tài sản chung của ông L và bà C là 01 nhà khung cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tường, nền gạch men, không trần; nhà khung cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tường, nền lánh xi măng, không trần; nhà sau khung cột bê tông cốt thép, mái tole, không vách, nền đất; nhà vệ sinh khung cột gạch, mái tole, vách tường, nền lánh xi măng; mái che tiền chế, mái tole, nền gạch tàu. Tài sản này ông L và bà C đã thỏa thuận là thống nhất với biên bản định giá tài sản là toàn bộ nhà và vật kiến trúc có giá trị còn lại là 79.805.000 đồng. Bà C đồng ý để ông L nhận toàn bộ căn nhà và vật kiến trúc và ông L sẽ giao cho bà C một nửa giá trị căn nhà bằng 39.902.500 đồng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của ông L với bà C và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

- Về tài sản trong nhà gồm có 01 bộ bàn ghế tiếp khách bằng cây, 01 bàn bằng cây, 01 tủ áo bằng cây, 01 tủ ly bằng cây, 01 tủ chén bằng nhôm, 02 cái gường hộp (01 cái loại lớn, 01 cái loại nhỏ) thì ông L với bà C thỏa thuận là ông L nhận toàn bộ tài

sản này và đưa cho bà C số tiền là 10.000.000 đồng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của ông L với bà C và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Tài sản khác thì ông L và bà C trình bày là vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không tranh chấp, không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Tài sản mà ông L và bà C tranh chấp là trên phần đất bà Phạm Thị T4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 943175 thửa số 64 diện 1500,3 m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long. Ông L và bà C đều thừa nhận phần đất này là thuộc quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị T4. Do các đương sự không có tranh chấp phần đất này nên không giải quyết.

[8] Trên phần đất bà Phạm Thị T4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 943175 thửa số 64 diện 1500,3 m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long, có tài sản chung của con ông L và bà C là anh Hồ Thanh P và chị Trần Thị Q là nhà khung cột gỗ tạm, mái tole, vách ván + không vách, nền láng xi măng. Anh P và chị Q có ý kiến là không có tranh chấp về tài sản và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết. Anh P và chị Q có quyền kiện bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.100.000 đồng thì ông L phải chịu toàn bộ. Ông L đã nộp tạm ứng số tiền này nên được trừ qua, ông L không phải nộp nữa.

[10] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Hồ Văn L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản là 1.247.500 đồng. Bà Lê Thị C phải chịu án phí chia tài sản là 1.247.500 đồng.

[11] Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Văn L với bà Lê Thị C.

2. Về con chung: Ông L và bà C có có 04 con chung là Hồ Thanh P, Hồ Phước L1, Hồ Phước L2 và Hồ Nhật Q1 đều đã thành niên và không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản công nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản giữa ông L và bà C như sau:

- Về nhà và tài sản trong nhà: Ông Hồ Văn L được nhận sở hữu nhà là 01 nhà khung cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tường, nền gạch men, không trần; nhà khung cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tường, nền lánh xi măng, không trần; nhà sau khung cột bê tông cốt thép, mái tole, không vách, nền đất; nhà vệ sinh khung cột gạch, mái tole, vách tường, nền lánh xi măng; mái che tiền chế, mái tole, nền gạch tàu

(nhà năm trên phần đất do bà Phạm Thị T4 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 943175 thửa số 64 diện 1500,3 m^2 đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã B, huyện BT,Vĩnh Long). Về tài sản trong nhà ông Hồ Văn L được nhận sở hữu gồm có 01 bộ bàn ghế tiếp khách bằng cây, 01 bàn bằng cây, 01 tủ áo bằng cây, 01 tủ ly bằng cây, 01 tủ chén bằng nhôm, 02 cái gường hộp (01 cái loại lớn, 01 cái loại nhỏ).

- Ông Hồ Văn L phải có nghĩa vụ trả tiền giá trị nhà và tài sản trong nhà cho bà Lê Thị Chi là 49.902.500 đồng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.100.000 đồng thì ông L phải chịu toàn bộ. Ông L đã nộp tạm ứng số tiền này nên được trừ qua, ông L không phải nộp nữa.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Buộc ông Hồ Văn L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí chia tài sản là 1.247.500 đồng. Ông Hồ Văn L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0011942 và 625.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011943 ngày 18 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân nên được trừ qua, ông Hồ Văn L còn phải nộp tiếp tiền án phí là 622.500 đồng.

- Buộc bà Lê Thị C phải chịu án phí chia tài sản là 1.247.000 đồng.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai có mặt đương sự tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- TANDT. Vĩnh Long;
-VKSNDH. Bình Tân;
-THAH. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng